

CHƯƠNG 2: CÁC LÝ THUYẾT PHÂN PHỐI THU NHẬP

CuuDuongThanCong.com

KẾT CẤU

2.1. Học thuyết cổ điển

2.2. Học thuyết C. Mác

2.3. Học thuyết tân cổ điển

2.4. Học thuyết hiện đại

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

2.1. Học thuyết cổ điển

2.1.1. Hoàn cảnh ra đời

Kinh tế thị trường tự do đã phát triển

Xã hội TBCN có 3 giai cấp chủ yếu

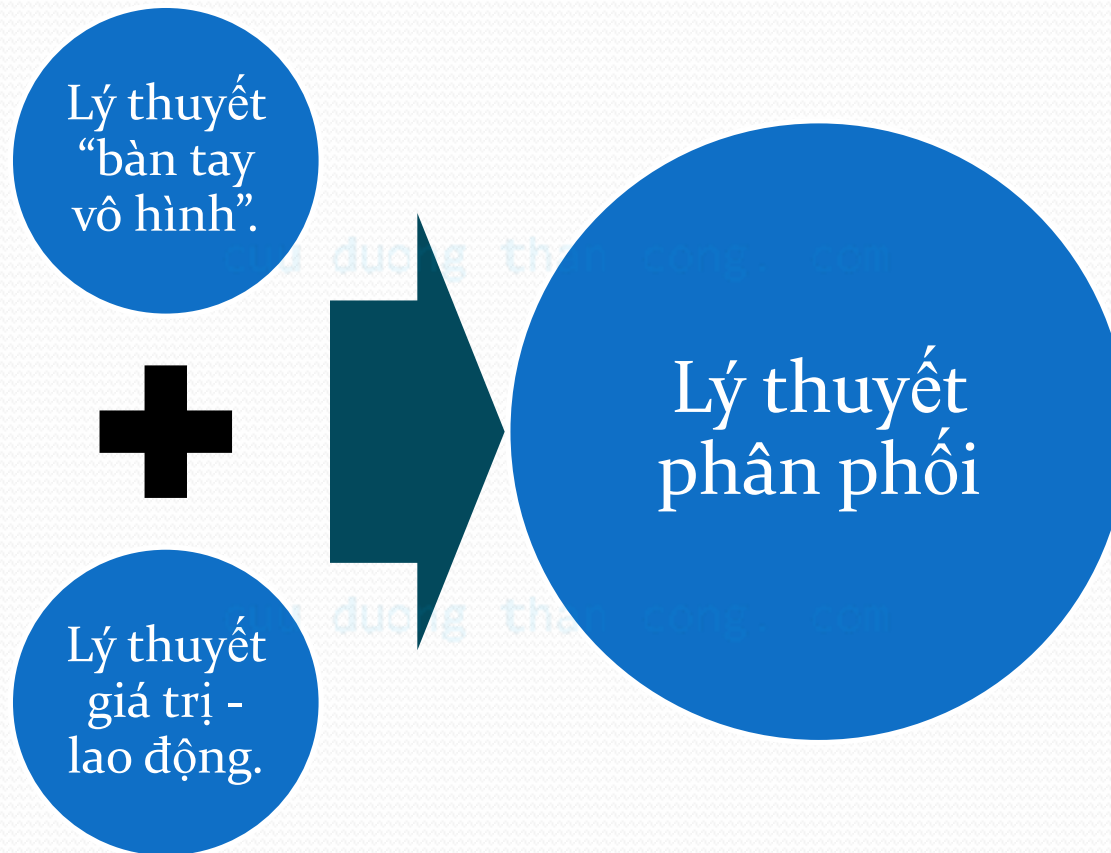
Tư sản

Vô sản

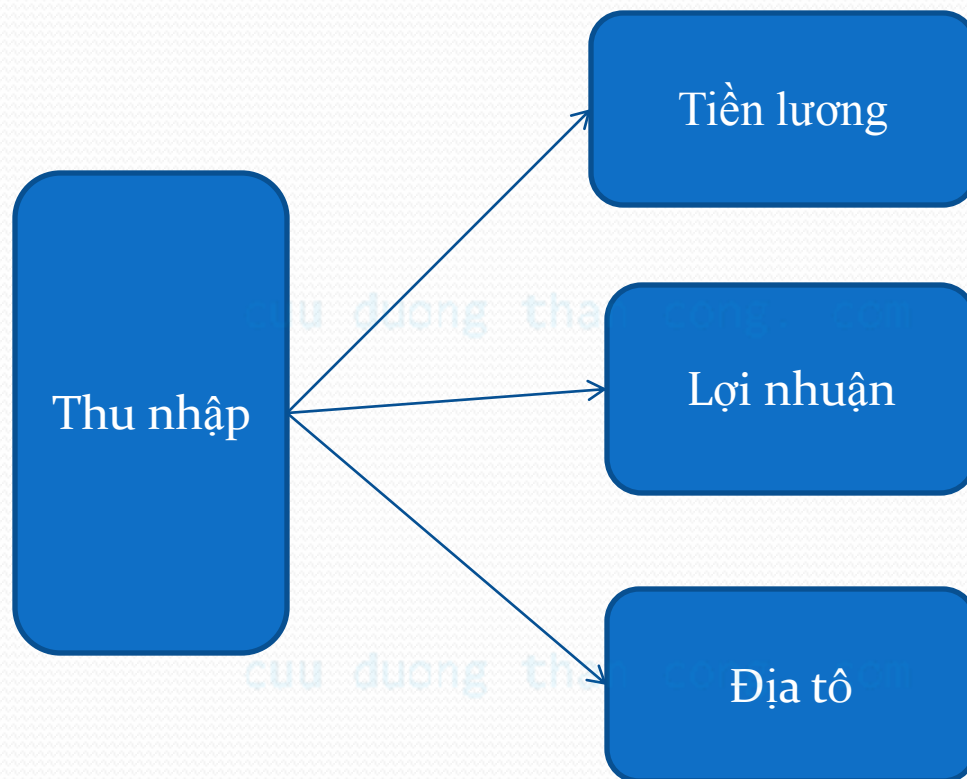
Địa chủ

2.1.2. Nội dung lý thuyết phân phối

- Lý thuyết phân phối của A.Smith



Các hình thức thu nhập:



• Địa tô

Khái niệm

- Là khoản khấu trừ đầu tiên vào sản phẩm lao động

Xét về lượng, chất

- Là số dôi ra ngoài tiền lương của công nhân và lợi nhuận của nhà tư bản; phản ánh quan hệ bóc lột.

Tiền tô

- Địa tô + lợi tức tư bản đầu tư cải tạo đất đai.

Nguồn gốc

- Nông nghiệp có địa tô vì năng suất lao động nông nghiệp cao hơn công nghiệp

Hạn chế

- Ông phủ nhận địa tô tuyệt đối

• Lợi nhuận

Khái niệm

- Là khoản khấu trừ thứ hai vào sản phẩm của người lao động; có nguồn gốc là lao động không được trả công của công nhân.

Lợi tức

- Lợi tức là một bộ phận của lợi nhuận.

Xu hướng

- Bình quân hóa tỷ suất lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận giảm xuống.

• Tiền lương

Khái niệm

- Là thu nhập của công nhân.

Bản chất

- Với người công nhân làm thuê, tiền lương chỉ là 1 bộ phận giá trị sản phẩm do họ làm ra.

Căn cứ

- Là giá trị tsh cần thiết. Đó là mức tối thiểu của tiền lương, nếu thấp hơn là thảm họa cho sự tồn tại của dân tộc.

- Những nhân tố ảnh hưởng đến tiền lương:

Trình độ phát triển kinh tế

Đặc điểm lao động

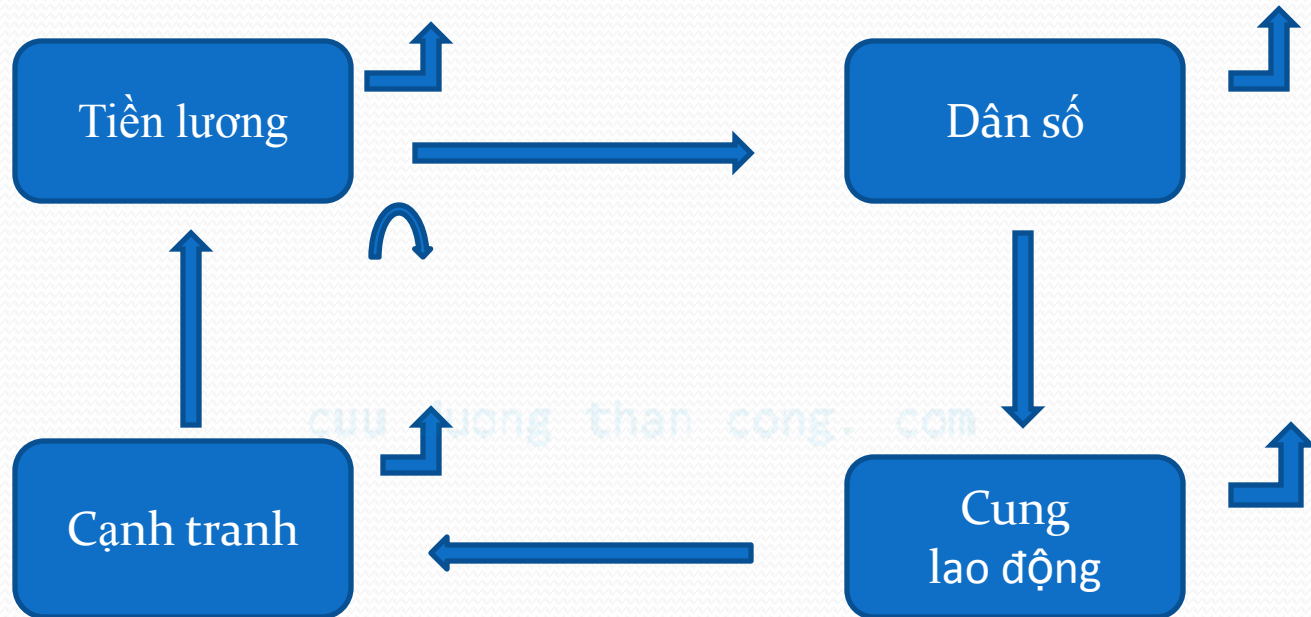
Điều kiện làm việc

Tính chất công việc

Trình độ chuyên môn

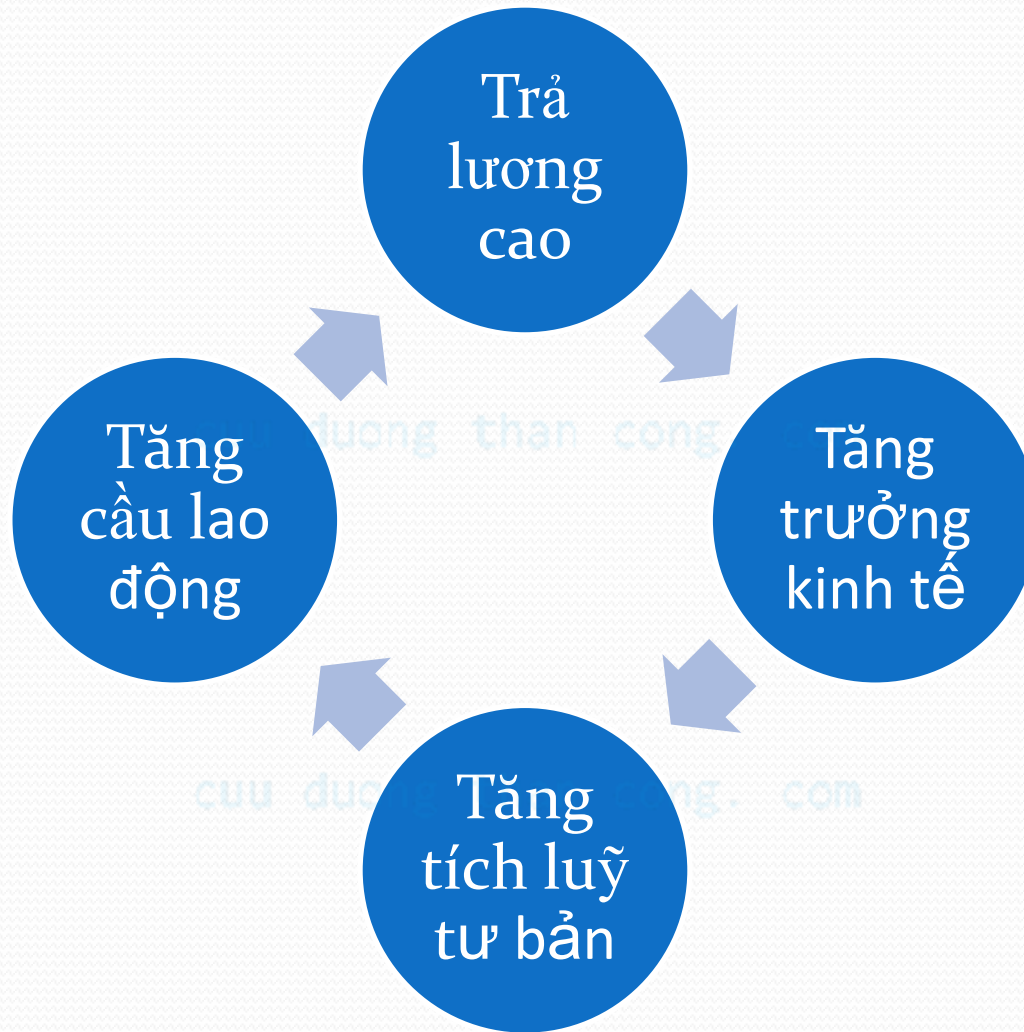
Thời gian và cường độ lao động

- Theo A. Smith, cơ chế chi phối tiền lương vận động như sau:

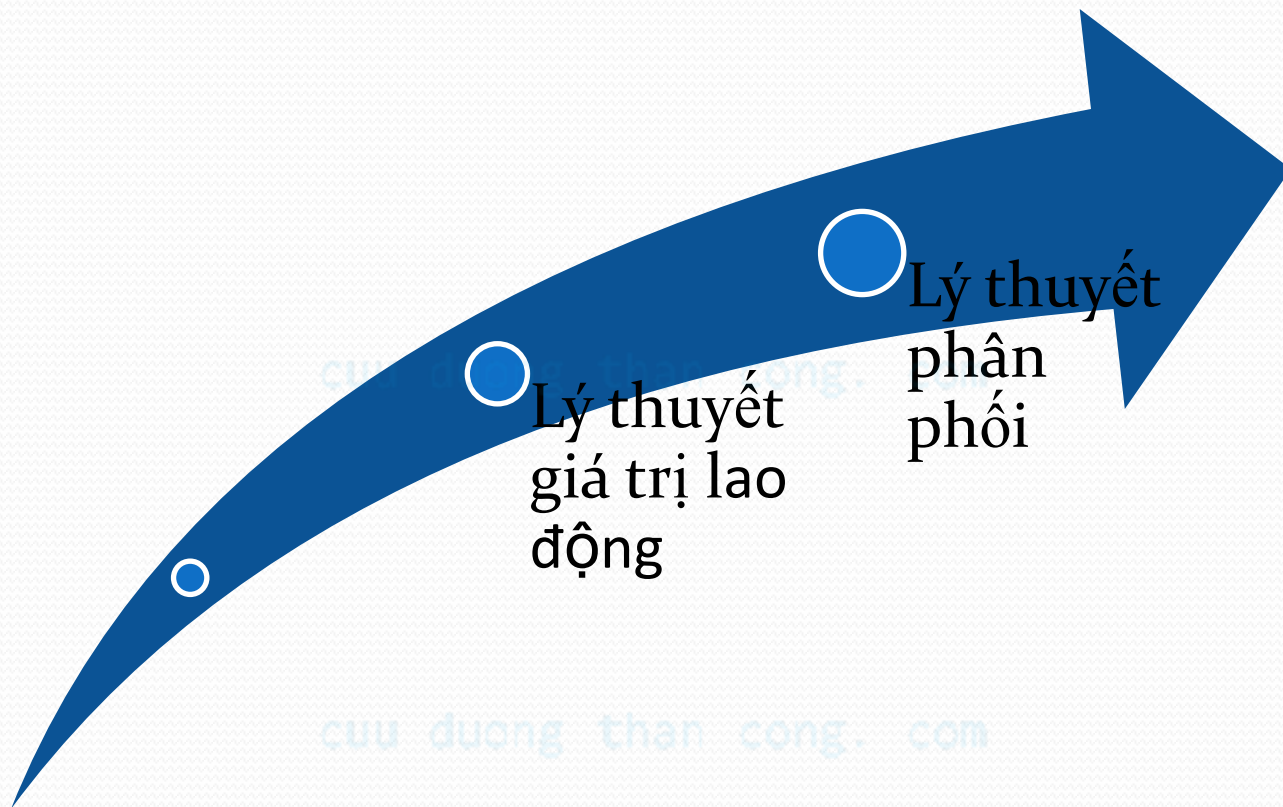


-  công đoàn không có tác dụng trong đấu tranh để tăng lương.

A. Smith ủng hộ trả lương cao:



**Lý thuyết phân phối của D. Ricardo*



• Tiền lương

Khái niệm

- Tiền lương hay giá cả thị trường của lao động, được xác định trên cơ sở giá cả tự nhiên

Các yếu tố cấu thành

- Giá cả tự nhiên của lao động là giá trị những tsh của công nhân và gia đình họ

Vận dụng

- Ủng hộ “Quy luật sắt về tiền lương”, phê phán giúp đỡ người nghèo

Quy luật sắt về tiền lương

Đất đai có hạn
Hiệu quả đầu tư
giảm dần



Của cải tăng
chậm hơn dân
số



Để cân bằng dân
số và của cải phải
trả lương thấp

cuu duong than cong. com

Lợi nhuận

- Là thu nhập của nhà tư bản; số còn lại ngoài tiền lương.
- Tỷ suất lợi nhuận giảm vì tiền lương và địa tô tăng (diện tích đất đai có hạn, độ màu mỡ giảm dần).

cuu duong than cong. com

Địa tô

- Diện tích đất đai có hạn, độ màu mỡ giảm dần, trong khi dân số tăng nhanh --- > phải canh tác trên cả ruộng đất xấu.
- Giá trị nông sản do hao phí lao động trên ruộng đất xấu quyết định ---- > trên ruộng đất trung bình và tốt sẽ có lợi nhuận siêu ngạch --- > trả cho địa chủ gọi là địa tô.
- Không thừa nhận địa tô tuyệt đối.

2.2. Học thuyết C. Mác

Phân phối thể hiện những quan hệ giữa người với người không những đối với các điều kiện của sản xuất, mà còn đối với kết quả của sản xuất.

Phân phối các điều kiện sản xuất quyết định phân phối kết quả sản xuất.

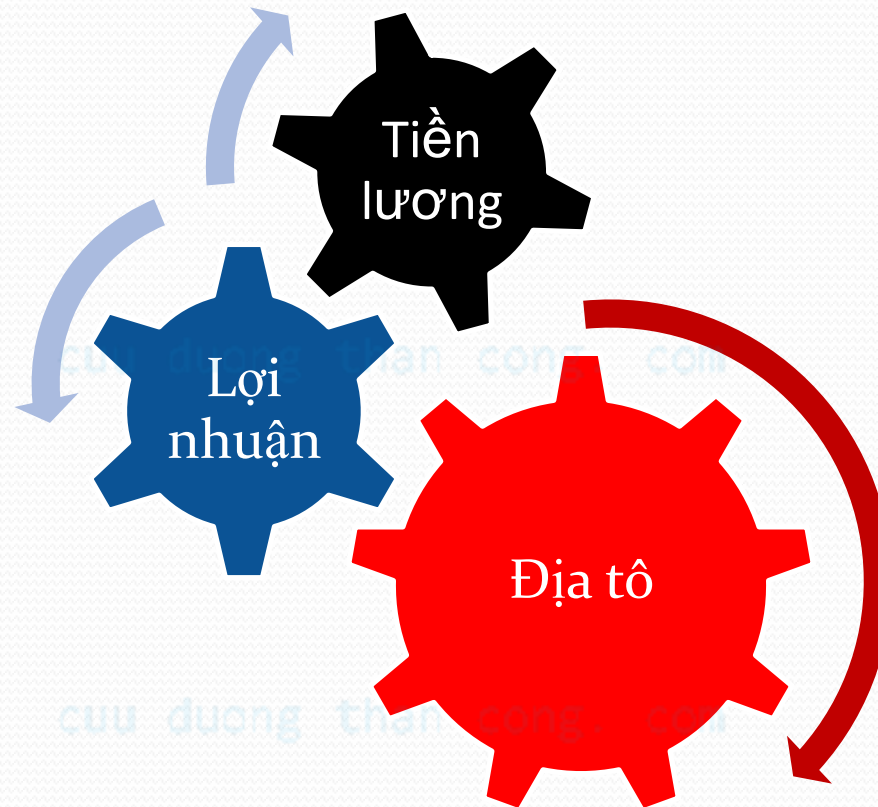
Quan hệ sở hữu, quan hệ tổ chức quản lý quyết định quan hệ phân phối.

2.2.1. Phân phối thu nhập trong CNTB

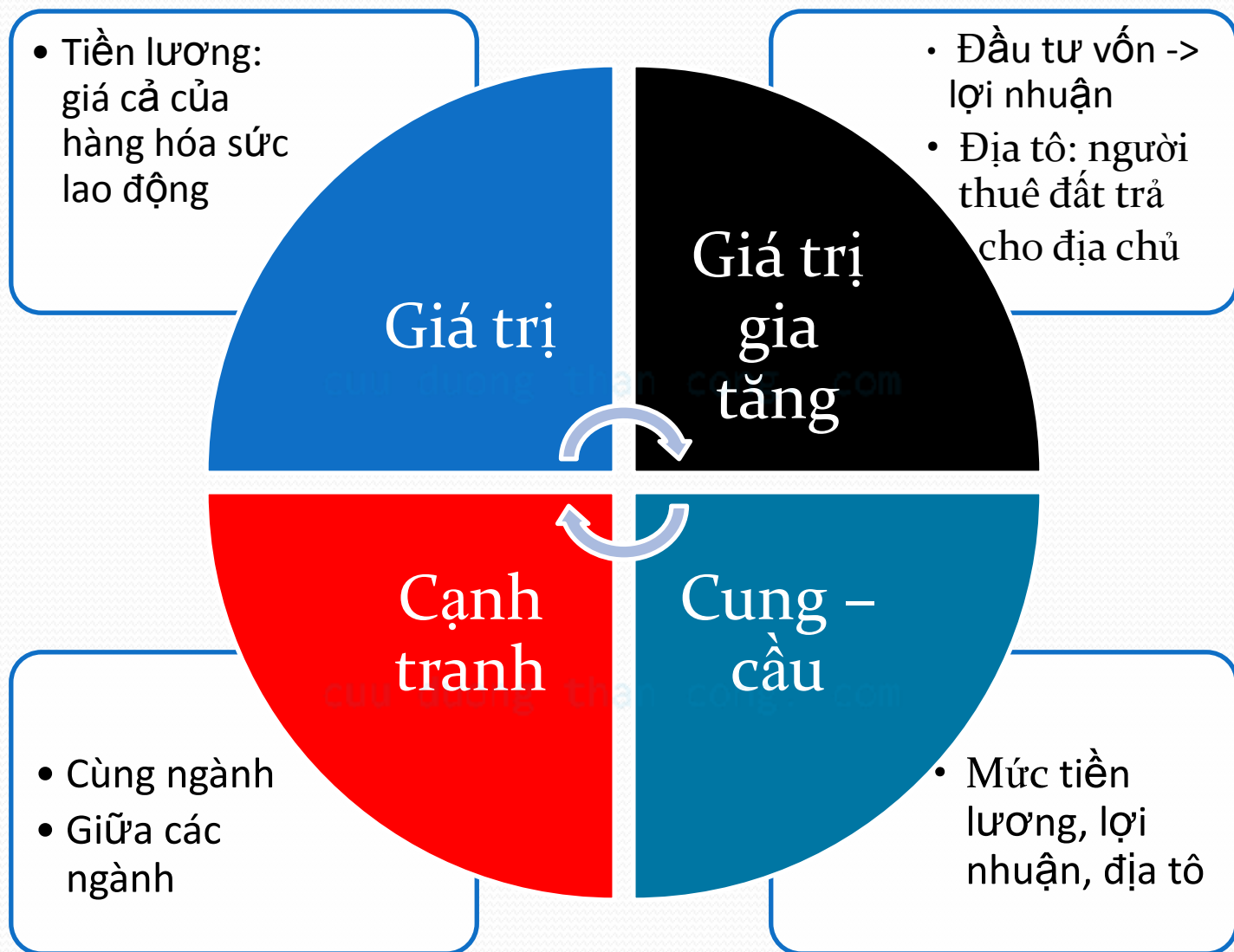
*Những tiền đề



*Hình thức thu nhập:



*Cơ chế phân phối trong CNTB



2.2.2. Phân phối trong CNCS

Nguyên
tắc phân
phối

- Theo nhu cầu

Cơ
sở, điều
kiện

- Lực lượng sản xuất
- Quan hệ sản xuất

*Phân phối trong CNXH

Quan niệm
của các nhà
kinh điển

- Phân phối theo pháp quyền tư sản: theo lao động
- Nguyên nhân: công hữu TLSX; LLSX còn thấp

Phân phối
trong CNXH
hiện thực

- Phân phối bình quân
- Nguyên nhân: LLSX chưa phát triển

2.3. Học thuyết tân cổ điển

**Lý thuyết phân phối của John Bates Clark*

- Đại biểu của trường phái “giới hạn” ở Mỹ là John Bates Clark (1847-1938).
- Trên cơ sở lý thuyết “Giới hạn”, Ông đưa ra lý thuyết phân phối.

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

*Lý thuyết “Năng suất giới hạn”

- Lý thuyết “ba nhân tố sản xuất” của J.Say.
- Quy luật hiệu suất biên giảm dần của D.Ricardo.

Trên cơ sở 2 lý thuyết trên, J.B.Clark khái quát: *ích lợi của các yếu tố sản xuất thể hiện ở năng suất của nó. Do vậy, đơn vị yếu tố sản xuất được sử dụng sau cùng là “đơn vị yếu tố sản xuất giới hạn”, sản phẩm của nó là “sản phẩm giới hạn”, năng suất của nó là “năng suất giới hạn”, nó quyết định năng suất của tất cả các yếu tố sản xuất khác.*

*Lý thuyết phân phối

Thu nhập là năng lực chịu trách nhiệm
của các yếu tố sản xuất

Tiền lương của công nhân bằng sản phẩm
giới hạn của lao động

Lợi tức bằng sản phẩm giới hạn của tư
bản

Địa tô bằng sản phẩm giới hạn của đất đai

Phần còn lại là thặng dư của người sử dụng các yếu
tố sản xuất hay lợi nhuận của người kinh doanh

**Lý thuyết phân phối của phái Cambridge*

- Người sáng lập trường phái này là Alfred Marshall (1842-1924).
- Cơ sở của lý thuyết phân phối là lý thuyết sản xuất và các yếu tố sản xuất.
- Sản xuất là việc chế tạo ra các ích lợi.
- Sự tăng lên của sản xuất dẫn đến tiết kiệm.

Tiết kiệm bên ngoài sinh ra từ sự phát triển chung của công nghiệp và là kết quả của tích tụ.

Tiết kiệm bên trong là tiết kiệm các yếu tố sản xuất.

cuu duong than cong. com

Các yếu tố sản xuất: đất đai, lao động và tư bản

Đất đai là yếu tố thứ nhất. Độ màu mỡ của đất đai giảm dần. Xu hướng đó có thể được ngăn chặn do tác động của khoa học - kỹ thuật.

Lao động là nhân tố thứ hai. Đó là sự nhọc nhằn của con người để chế biến tài vật. Lao động cũng tuân theo quy luật “ích lợi giới hạn”.

Tư bản là nhân tố thứ ba. Đó là bộ phận của cải mà cá nhân tiết kiệm được từ thu nhập của họ.

Lý thuyết phân phối

- Lợi tức quốc gia phân phối thành thu nhập của người lao động, lợi nhuận của tư bản, tiền tô ruộng đất và những cái lợi khác.
- Nó được phân phối theo tỷ lệ nhất định cho nhu cầu giới hạn về các yếu tố sản xuất của dân cư.
- Giới hạn của việc sử dụng các yếu tố sản xuất do những điều kiện của cầu so với cung. Số lượng các yếu tố sản xuất càng tăng thì giá cả của nó càng giảm.

cuu duong than cong. com

• Tiền công

Tiền công là những phí tổn cần thiết để nuôi dưỡng và giúp đỡ và duy trì năng lực của người lao động. Tiền công có xu hướng cân bằng với sản phẩm ròng của lao động.

Năng suất giới hạn của lao động cao, sản phẩm ròng của lao động sẽ cao.

Tiền công phụ thuộc vào năng suất trung bình của ngành sản xuất và của chính người thợ.

Sự cuốn hút lao động của một ngành phụ thuộc vào các nhân tố: sự không đều đặn của việc làm; sự khó khăn và nỗ lực của người lao động; mức tiền công.

• Lợi nhuận

Lợi tức là cái giá phải trả cho việc sử dụng tư bản, do quan hệ cung - cầu tư bản quyết định.

Lợi nhuận là tiền thù lao thuần túy cho hoạt động kinh doanh.

Tỷ suất lợi nhuận trong các ngành khác nhau là do tỷ lệ khác nhau về tư bản, tiền công, chi phí vật liệu và giá cả ruộng đất.

Tỷ suất lợi nhuận còn phụ thuộc vào độ dài thời gian và số lượng lao động cần thiết cho việc hoàn vốn.

Thu nhập sinh ra từ tư bản đã đầu tư phụ thuộc vào cầu tương đối về các sản phẩm của nó.

• Địa tô

- Ruộng đất là yếu tố sản xuất đặc thù, cung không biến đổi.
- Giá cả ruộng đất do cầu; địa tô do năng suất giới hạn của ruộng đất quyết định.

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

**Kinh tế học phúc lợi của A.C.Pigou (1877-1959)*

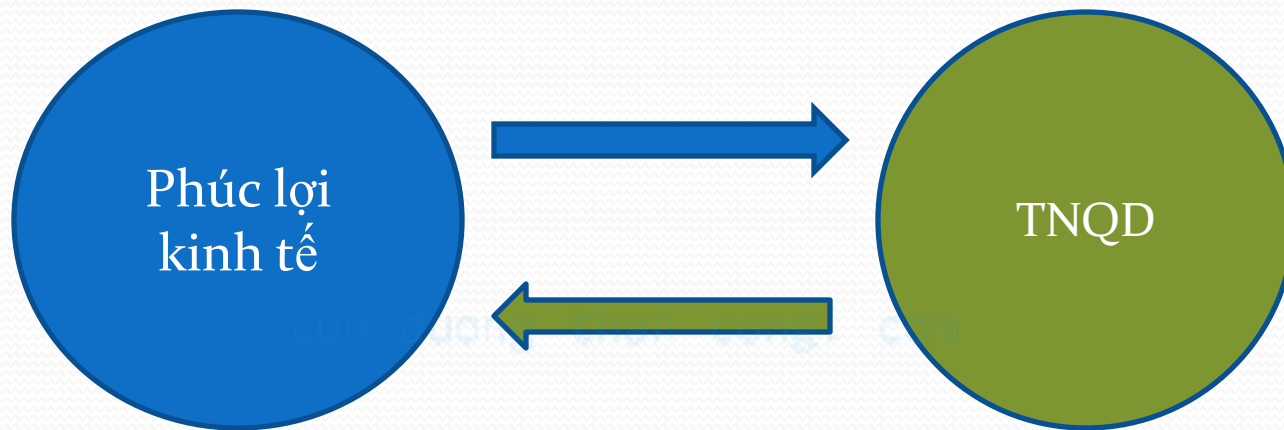
```
graph LR; A((Phúc lợi kinh tế)) --> B[Phúc lợi của mỗi người nằm trong sự thỏa mãn nhu cầu của bản thân họ. Sự thỏa mãn có thể về nhu cầu chiếm hữu của cải, cũng có thể về nhu cầu tri thức, tình cảm.]; A --> C[Phúc lợi được đo đếm bằng tiền gọi là phúc lợi kinh tế];
```

Phúc lợi
kinh tế

Phúc lợi của mỗi người nằm trong sự thỏa mãn nhu cầu của bản thân họ. Sự thỏa mãn có thể về nhu cầu chiếm hữu của cải, cũng có thể về nhu cầu tri thức, tình cảm.

Phúc lợi được đo đếm bằng tiền gọi là phúc lợi kinh tế

+ Quan hệ giữa phúc lợi kinh tế và TNQD



- Là sự thỏa mãn chủ quan với “vật đối xứng khách quan”.
- TNQD tăng thì phúc lợi kinh tế tăng.
- Ba mặt của lý thuyết phân phối TNQD: tăng TNQD, phân phối TNQD và biến động TNQD.

Lý thuyết TNQD

Lý thuyết TNQD



Tăng TNQD:
Sử dụng tối ưu nguồn
tài nguyên

Phân phối TNQD:
Tăng TNQD thực tế
của người nghèo khi
TNQD không tăng sẽ
làm tăng phúc lợi
kinh tế.

Biến động TNQD:
Các nhân tố biến
động TNQD suy giảm
mà không làm giảm
TNQD sẽ làm tăng
phúc lợi kinh tế

Học thuyết phúc lợi kinh tế

Một là, bất kỳ một sự tăng thu nhập thực tế nào cũng làm tăng sự thỏa mãn.

Hai là, sự điều chỉnh thu nhập bằng tiền của người giàu cho người nghèo cũng làm tăng sự thỏa mãn, tăng phúc lợi kinh tế.

2.4. Lý thuyết hiện đại

2.4.1. Trường phái sau Keynes



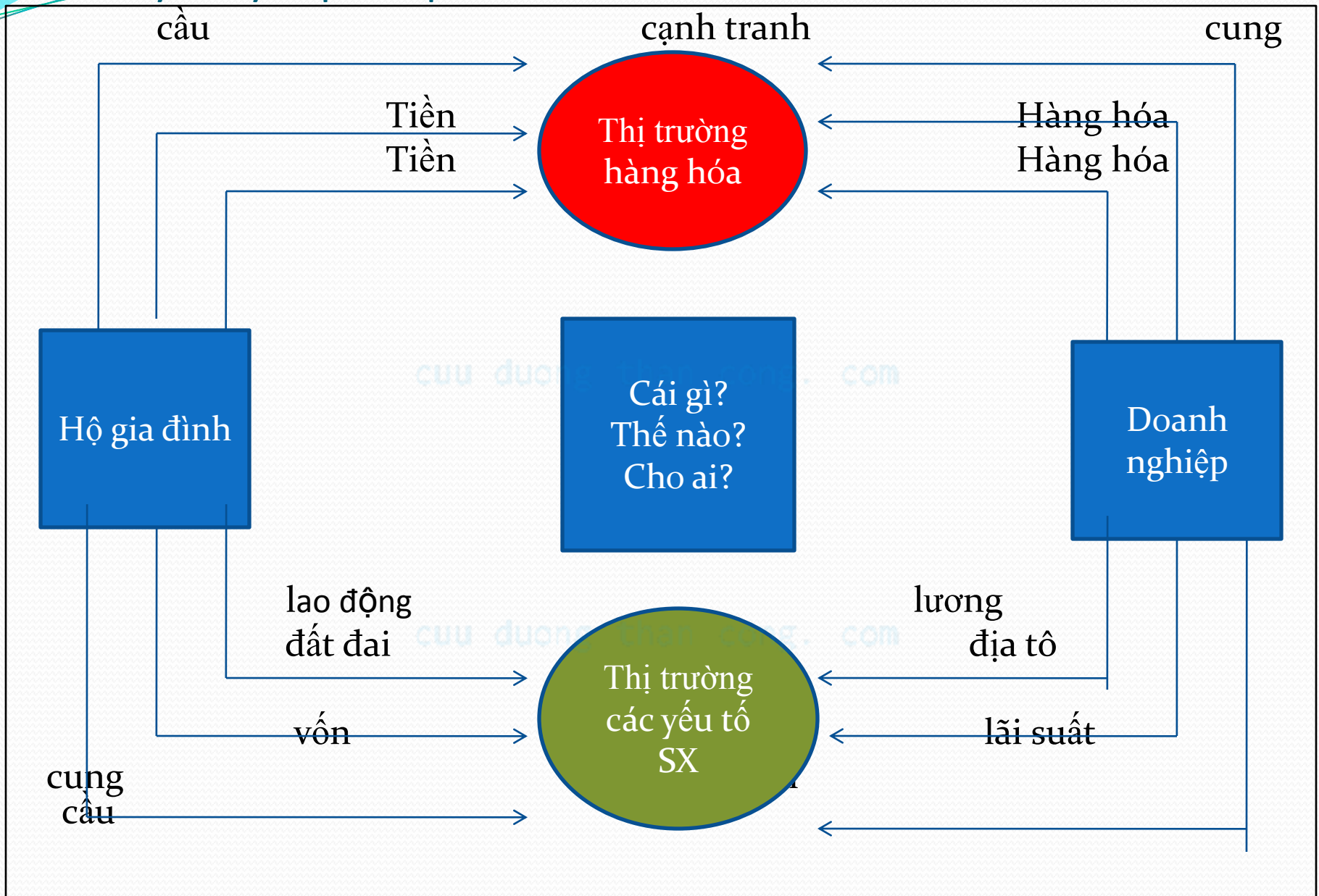
Quan hệ
giữa tăng
trưởng và
phân phối

Tăng trưởng kinh tế phụ thuộc vào phân phối TNQD, lượng thu nhập và tiết kiệm.

Khuynh hướng tiết kiệm giữa những người nhận tiền lương và lợi nhuận không giống nhau nên thay đổi trong phân phối sẽ ảnh hưởng đến tiết kiệm

Nhịp độ tích lũy tư bản quyết định tăng trưởng kinh tế. Do đó, phân phối thu nhập phải nghiêng về phía lợi nhuận .

2.4.2. Lý thuyết phân phối của P.A. Samuelson



Câu hỏi ôn tập

1. Các lý thuyết phân phối trong lịch sử ?
2. Ý nghĩa của việc nghiên cứu các lý thuyết phân phối ?

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com